

HỦY BỎ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980 TRONG QUÁ TRÌNH THỰC THI TẠI VIỆT NAM

ĐẶNG THẾ HÙNG*

Tóm tắt: Với mong muốn nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của Công ước này cũng như nghiên cứu một cách sâu sắc các vấn đề liên quan đến trách nhiệm hủy bỏ hợp đồng theo CISG. Bài viết này tác giả tập trung khai thác các vấn đề liên quan đến hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế qua một số nội dung về căn cứ, phạm vi, hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hủy bỏ hợp đồng, việc mất quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng theo Công ước viên 1980, từ đó so sánh với pháp luật Việt Nam và một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện.

Từ khóa: CISG; hủy bỏ hợp đồng; mua bán hàng hóa quốc tế vi phạm; Bộ luật Dân sự; Bộ luật Thương mại.

Ngày nhận bài: 16/11/2017; *Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:* 28/11/2017; *Ngày duyệt bài:* 05/12/2017.

Kể từ ngày 18/12/2015, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 84 của Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán quốc tế (CISG). Việc gia nhập CISG đã đánh dấu một mốc mới trong quá trình tham gia vào các điều ước quốc tế đa phương về thương mại, tăng cường mức độ hội nhập của Việt Nam.

1. Các quy định của Công ước viên 1980 về hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

CISG ghi nhận hủy bỏ hợp đồng như một quyền đương nhiên mà các bên có thể có khi xảy ra vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp

đồng mua hàng hàng hóa quốc tế. Điều này ngược với cách quy định của pháp luật Việt Nam, cả Bộ luật Dân sự (BLDS) và Luật thương mại năm 2005 (LTM) đều xem hủy hợp đồng như một chế tài. Nhưng với cách quy định nào thì hủy bỏ hợp đồng đều làm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng kể từ thời điểm điểm giao kết, giải phóng các bên khỏi những nghĩa vụ hợp đồng đã thỏa thuận. Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, nếu không trả được bằng vật thì phải trả bằng tiền. Trường hợp một

**Thiếu tá, Viện kiểm sát quân sự khu vực 42, Quân khu 4.*

bên đã thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ đối ứng

1.1. Căn cứ hủy hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980

Một hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng chỉ bị hủy bỏ nếu một bên tuyên bố hủy bỏ trên cơ sở những căn cứ làm phát sinh quyền hủy bỏ hợp đồng được pháp luật quy định. Theo Điều 49 của CISG, người mua có thể tuyên bố hủy hợp đồng nếu người bán không thực hiện một nghĩa vụ nào đó của họ phát sinh từ hợp đồng hay từ Công ước này cấu thành một vi phạm cơ bản hợp đồng; hoặc trong trường hợp người bán không giao hàng trong thời gian đã được người mua gia hạn thêm cho họ hoặc nếu người bán tuyên bố sẽ không giao hàng trong thời gian được gia hạn này.

Dựa trên nguyên tắc công bình, nhằm đảm bảo công bằng giữa các bên giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, tại Điều 64 của CISG quy định rằng: “Nếu sự kiện người mua không thực hiện nghĩa vụ nào đó của họ theo hợp đồng hay Công ước cấu thành một sự vi phạm cơ bản hợp đồng; hoặc nếu người mua không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc nhận hàng trong thời hạn bổ sung mà người bán chấp nhận cho họ hay nếu họ tuyên bố sẽ không làm việc đó trong thời hạn ấy”.

Như vậy, chiếu theo Điều 49 và Điều 64 của CISG, người mua hoặc người bán có quyền tuyên bố hủy hợp đồng nếu xảy ra bất kỳ một sự vi phạm nghĩa vụ nào cấu thành vi phạm cơ bản. Thuật ngữ “vi phạm hợp đồng” được ghi nhận và sử dụng tương đối rộng rãi trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới về hợp đồng. Bộ luật Dân sự 2002 của Đức điều chỉnh

tương đối cụ thể hai dạng vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là chậm thực hiện nghĩa vụ và không thực hiện nghĩa vụ. Bộ luật Dân sự 1804 của Pháp ghi nhận vi phạm hợp đồng là việc không thực hiện và chậm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng¹,... Bộ luật Dân sự năm 2015 của Việt Nam quy định vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ². Luật thương mại năm 2005 của Việt Nam lại ghi nhận vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này³. Nhìn chung, dưới góc độ nào thì pháp luật các quốc gia trên thế giới đều thống nhất rằng vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là hành vi không thực hiện nghĩa vụ hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ (như pháp luật Đức, Pháp) hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời gian thỏa thuận (như pháp luật Việt Nam). Nhằm thuận tiện hơn cho việc nghiên cứu, tác giả rút ra một khái niệm chung về vi phạm hợp đồng như sau: “Vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ hợp đồng khi hết thời hạn”.

Vi phạm hợp đồng là căn cứ tiên quyết để xem xét có hay không việc hủy bỏ hợp đồng. Tuy nhiên, để tránh việc các bên hủy bỏ hợp đồng một cách tùy tiện gây thiệt hại cho bên còn lại, CISG quy định một bên chỉ được tuyên bố hủy bỏ hợp đồng

1. Võ Sỹ Mạnh, *Vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và định hướng hoàn thiện các quy định có liên quan của Pháp luật Việt Nam* [tr 29], Đại học luật Tp. Hồ Chí Minh, 2015.

2. Khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Khoản 12 Điều 3 Luật thương mại năm 2005.

nếu sự vi phạm hợp đồng chứa đựng tính cơ bản. Điều 25, CISG quy định: *“Một sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng, trừ phi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lý trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở vào hoàn cảnh tương tự”*.

Về mặt lý thuyết, CISG cho rằng một hành vi vi phạm cơ bản hợp đồng phải có đủ các yếu tố sau: Có sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng đó phải dẫn đến hậu quả là một bên mất đi điều mà họ chờ đợi, mong muốn có được từ hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng không thể nhìn thấy trước được hậu quả của sự vi phạm đó.

Trước hết, để xem xét tính cơ bản của vi phạm hợp đồng cần phải có sự vi phạm hợp đồng, đó là hành vi không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng như không giao hàng, chậm giao hàng... Ngoài ra, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại đáng kể cho bên bị vi phạm. Thế nào là thiệt hại đáng kể? Công ước Viên 1980 cho rằng thiệt hại đáng kể là những thiệt hại làm cho bên bị vi phạm mất đi cái mà họ chờ đợi, mong muốn có được từ hợp đồng. Tuy nhiên, mặc dù hành vi vi phạm hợp đồng dẫn đến thiệt hại cho bên bị vi phạm nhưng hành vi vi phạm hợp đồng đó sẽ không bị coi là vi phạm cơ bản hợp đồng nếu bên vi phạm *“không thể nhìn thấy trước hậu quả của hành vi vi phạm đó và người ở vào hoàn cảnh tương tự cũng không thể tiên liệu được”*. Chính xác hơn, khả năng nhìn thấy trước hậu quả của hành vi vi phạm hợp đồng là yếu tố cần thiết để

xác định hành vi vi phạm đó có phải là một sự vi phạm cơ bản hợp đồng hay không.

Tóm lại, khi xảy ra hành vi vi phạm cơ bản hợp đồng, một bên có quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã giao kết theo quy định của CISG.

1.2. Phạm vi tuyên bố hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980

Mặc dù CISG không quy định rõ ràng phạm vi một bên được tuyên bố hủy bỏ hợp đồng nhưng căn cứ vào khoản 2 Điều 51, Công ước này cho thấy: *“Người mua chỉ được tuyên bố hủy bỏ toàn bộ hợp đồng, nếu việc không thực hiện hợp đồng hoặc một phần hàng giao không phù hợp với hợp đồng cấu thành một sự vi phạm cơ bản hợp đồng”*. Như vậy, khi có hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng, một bên có quyền hủy bỏ toàn bộ nội dung của hợp đồng đã giao kết. Nhưng khoản 1 Điều này của CISG lại quy định: *“Nếu người bán chỉ giao một phần hàng hóa hoặc nếu chỉ một phần hàng hóa đã giao phù hợp với hợp đồng thì các điều 46 đến 50 sẽ được áp dụng đối với phần hàng hóa thiếu hoặc phần hàng không phù hợp với hợp đồng”*; và khoản 1 Điều 73 của CIS6 quy định: *“Nếu hợp đồng quy định giao hàng từng phần và nếu sự kiện một bên không thực hiện một nghĩa vụ có liên quan đến một lô hàng cấu thành một sự vi phạm cơ bản hợp đồng về lô hàng đó thì bên kia có thể tuyên bố hủy bỏ hợp đồng về phần lô hàng đó”*.

Qua đó, tác giả cho rằng phạm vi tuyên bố hủy bỏ hợp đồng của một bên được xác định dựa trên nghĩa vụ thực hiện. Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ dẫn đến vi phạm cơ bản thì bên kia có quyền hủy bỏ toàn bộ hợp đồng. Đối với trường hợp một bên đã thực hiện nghĩa vụ hợp

đồng nhưng chưa đựng sự vi phạm cơ bản thì một bên cũng có thể hủy bỏ toàn bộ hợp đồng hoặc linh hoạt hủy một phần hợp đồng vi phạm.

Tóm lại, khi xảy ra vi phạm cơ bản hợp đồng, người mua hoặc người bán có quyền tuyên bố hủy bỏ toàn bộ hay một phần hợp đồng.

1.3. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hủy hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980

Về nguyên tắc, một lời tuyên bố về việc hủy hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu được thông báo cho bên kia biết⁴. Một bên được xem là đã biết tuyên bố hủy hợp đồng khi thông báo hủy hợp đồng được đưa đến tay người mua hoặc người bán bằng các con đường khác nhau như thông báo được đưa vào cơ sở dữ liệu của người mua hoặc người bán, thông báo hủy bỏ hợp đồng được gửi đến trụ sở người mua hoặc người bán... Trong pháp luật Việt Nam, chế tài hủy bỏ hợp đồng được coi như là chế tài nặng nhất bởi tính tiêu cực và hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ hợp đồng.

+ Trường hợp một bên tuyên bố hủy toàn bộ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã giao kết.

Khoản 1 Điều 81 CISG quy định: “Việc hủy hợp đồng giải phóng hai bên khỏi những nghĩa vụ của họ...”. Như vậy, việc một bên tuyên bố hủy bỏ hợp đồng dẫn đến hợp đồng sẽ không còn hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, điều này dẫn đến thực tế các bên sẽ được giải phóng khỏi những nghĩa vụ hợp đồng ràng buộc các bên. Tuy nhiên, tuyên bố hủy bỏ hợp đồng không làm mất đi các quyền phát sinh của người mua cũng như người bán. Theo đó, bên

nào đã thực hiện toàn phần hay một phần hợp đồng có thể đòi bên kia hoàn lại những gì họ đã cung cấp hay đã thanh toán khi thực hiện hợp đồng. Nếu cả hai bên đều bị buộc phải thực hiện việc hoàn lại, thì họ phải làm việc này cùng một lúc.

Nếu người bán phải hoàn lại tiền hàng, họ cũng phải trả tiền lãi trên tổng số tiền hàng đó kể từ ngày người mua thanh toán. Đồng thời, người mua phải trả cho người bán số tiền tương đương với mọi lợi nhuận mà họ đã được hưởng từ hàng hóa hay một phần hàng hóa khi họ phải hoàn lại toàn bộ hay một phần hàng hóa; hoặc khi họ không thể hoàn lại toàn bộ hay một phần hàng hóa hoặc không thể hoàn lại hàng trong tình trạng họ đã nhận và mặc dù vậy họ đã tuyên bố hợp đồng bị hủy hay đã đòi người bán phải giao hàng thay thế⁵.

Bên cạnh đó, việc tuyên bố hủy hợp đồng của một bên không làm mất đi quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại mà các bên có thể có. Việc hủy hợp đồng cũng không ảnh hưởng đến các quy định của hợp đồng liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp hay đến các quyền và nghĩa vụ của hai bên trong trường hợp hợp đồng bị hủy.

+ Trường hợp một bên tuyên bố hủy một phần nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã giao kết.

Mặc dù, CISG không quy định xử lý hậu quả đối với những hợp đồng chỉ bị hủy một phần nhưng theo tinh thần của CISG, đối với phần hợp đồng bị tuyên bố hủy sẽ giải quyết như nội dung hủy toàn bộ hợp đồng. Các phần còn lại của hợp đồng đương nhiên vẫn có hiệu lực và các bên vẫn phải tiếp tục thực hiện cho đến

4. Điều 26, Công ước Viên 1980 của Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán quốc tế.

5. Điều 84, Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán quốc tế.

khí hoàn thành nghĩa vụ của mình.

Tóm lại, khi một bên tuyên bố hủy bỏ toàn bộ nội dung hợp đồng thì hợp đồng chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hủy hợp đồng được xử lý theo quy định từ Điều 81 đến Điều 84 Công ước này. Trường hợp chỉ hủy một phần hợp đồng thì phần bị hủy không còn hiệu lực, các phần khác của hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.

1.4. Mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã giao kết theo Công ước Viên 1980

Người mua hoặc người bán có quyền tuyên bố hủy hợp đồng khi một bên có hành vi vi phạm cơ bản nghĩa vụ của hợp đồng, song đây cũng không phải là quyền hiện hữu và tuyệt đối. Bởi lẽ quyền tuyên bố hủy hợp đồng chỉ phát sinh khi hội tụ đủ điều kiện cần thiết và tồn tại trong một chừng mực nhất định, chỉ mang tính tương đối. Mặc dù một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng thì tất nhiên bên kia có quyền tuyên bố hủy, nhưng người mua sẽ mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng nếu trường hợp nếu người bán đã giao hàng thì người mua sẽ mất quyền hủy hợp đồng nếu người mua đã không tuyên bố hủy hợp đồng chiếu theo Điều 49 Công ước này. Hoặc người bán cũng sẽ mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng nếu người mua đã trả tiền chiếu theo Điều 64 Công ước này.

Theo CISG, một bên sẽ mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng nếu bên kia đã thực hiện đúng và đủ các nghĩa vụ thỏa thuận trước khi họ tuyên bố hủy bỏ hợp đồng. Việc mất đi quyền tuyên bố hủy hợp đồng không ảnh hưởng đến quyền hạn sử dụng các biện pháp bảo hộ pháp lý khác của một bên. Đây rõ ràng là một quy định tiến bộ

nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên trong việc hướng đến xây dựng uy tín và tinh thần hợp tác lâu dài giữa các bên giao kết hợp đồng mà pháp luật về hợp đồng của Việt Nam hiện nay chưa giải quyết được.

1.5. So sánh quy định hủy hợp đồng mua bán hàng hóa theo Công ước Viên 1980 với pháp luật Việt Nam

Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, chế tài hủy bỏ hợp đồng được ghi nhận trong cả BLDS với LTM. Về cơ bản, hai văn bản luật này đều quy định tương đối đồng nhất các vấn đề liên quan đến căn cứ hủy hợp đồng, hậu quả của hủy hợp đồng và có sự tương thích với quy định của CISG. Tuy nhiên, theo nhận định của tác giả, quy định hủy hợp đồng giữa GISG so với BLDS và LTM Việt Nam vẫn tồn tại một số điểm khác biệt cơ bản sau:

Thứ nhất, về căn cứ hủy bỏ hợp đồng.

Điều 423 BLDS năm 2015 quy định: *“Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây: Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận; bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng”*. Điều 312 LTM năm 2005 cũng quy định: *“Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này, chế tài hủy bỏ hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp sau đây: Xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng; một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng”*. Qua đó, cho thấy pháp luật Việt Nam ghi nhận đến hai căn cứ hủy bỏ hợp đồng: (1) Các bên có thỏa thuận điều kiện hủy bỏ hợp đồng và (2) một bên vi phạm cơ bản/nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng. Trong khi đó, CISG chỉ đề cập đến trường hợp một bên vi phạm cơ bản hợp

đồng thì bên kia có quyền tuyên bố hủy bỏ.

Thứ hai, về tính tương đối của quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng.

Hiện nay, BLDS và LTM Việt Nam chưa có quy định đề cập đến việc một bên có thể mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng khi xảy ra vi phạm. Theo đó, hủy hợp đồng là một chế tài mà bên bị vi phạm có thể sử dụng để bảo vệ quyền lợi của mình trong mọi trường hợp, chế tài này không bị mất trong hoàn cảnh nào, nó mang tính tuyệt đối do luật định. Trong khi đó, CISG lại chủ trương duy trì mối quan hệ hợp đồng lâu dài giữa các bên bằng việc quy định thêm trường hợp nếu bên vi phạm đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mà bên bị vi phạm chưa tuyên bố hủy hợp đồng thì sau thời điểm bên vi phạm hoàn thành nghĩa vụ, bên bị vi phạm mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng.

Ngoài ra, giữa CISG so với BLDS và LTM Việt Nam còn có những điểm khác biệt khác. Song theo tác giả, đây là hai điểm khác biệt cơ bản nhất về quy định hủy hợp đồng giữa CISG và pháp luật Việt Nam.

2. Một số vấn đề cần lưu ý khi thực thi quy định hủy bỏ hợp đồng theo Công ước Viên 1980 trong thực tiễn tại Việt Nam

Qua việc tìm hiểu quy định của CISG về hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, tác giả rút ra một số vấn đề mà các chủ thể cần lưu ý khi thực thi tại Việt Nam như sau:

Mặc dù, hiện nay CISG đã có hiệu lực tại Việt Nam, song để các quy định của CISG đi vào thực tiễn một cách có hiệu quả, nhất là các vấn đề liên quan đến hủy bỏ hợp đồng thì các thương nhân Việt Nam, khi áp dụng cần phải tìm hiểu kỹ nội dung quy định này. Mặc dù giữa CISG và pháp luật Việt Nam có sự tương đồng lớn

song các chủ thể cần phải hiểu được nội dung quy định, không áp dụng tùy tiện để tránh trường hợp phát sinh tranh chấp.

Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện hiện đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các thương nhân Việt Nam cần phải lưu ý đến trường hợp mất quyền tuyên bố hủy hợp đồng. Trước khi yêu cầu cơ quan tài phán bảo vệ quyền lợi của mình thì các bên cần chủ động bảo vệ quyền lợi của mình trước. Trong trường hợp, có sự vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng các chủ thể nên nắm bắt được khi nào mình có quyền tuyên bố hủy hợp đồng, quyền đó sẽ mất đi trong trường hợp nào. Đây là vấn đề nhiều chủ thể chưa thực sự quan tâm, dẫn đến những tranh chấp không cần thiết.

Ngoài ra, khi tuyên bố hủy hợp đồng, các bên nên giải quyết một cách khéo léo các vấn đề liên quan đến bồi thường thiệt hại. Thực tiễn cho thấy, có không ít các trường hợp khi giao kết hợp đồng với tinh thần thiện chí, nên thỏa thuận không rõ ràng các điều khoản khi hợp đồng bị hủy bỏ. Khi phát sinh tranh chấp rất khó để ấn định thiệt hại một cách chính xác trong trường hợp này. Do đó, tốt nhất các bên nên thỏa thuận rõ ràng trong hợp đồng nếu hợp đồng bị hủy bỏ. □

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (1980), Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán quốc tế.
2. Quốc hội (2015), Bộ luật Dân sự.
3. Quốc hội (2005), Luật thương mại.
4. Võ Sỹ Mạnh, *Vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và định hướng hoàn thiện các quy định có liên quan của Pháp luật Việt Nam*[tr 29], Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2015.